

SÁCH HỒNG

SỐ 18



SƠN TINH

của HOÀNG ĐẠO

SƠN TINH

HOÀNG ĐẠO

@TIEULUN 2024

Một buổi chiều hè oi bức, ông Tảo đưa hai con đến đường Cổ-ngư hóng gió. Ông thuê chiếu ngồi ven hồ Tây, còn Dung và Thảo dắt tay nhau đi thung thăng trên bãi cỏ. Gió hây hây đưa ; những lá sen non trên mặt hồ sẽ rung động, một vài con chuồn chuồn chập chờn vụt đậu lên những bông quỳ mới nở vụt bay lên trên không.

Ông Tảo ngồi yên lặng nhìn theo mấy cánh bướm trắng lấp lánh ánh chiều nhạt đương lướt trên mặt hồ xanh, nhẹ nhàng như trong một giấc mộng. Ông mãi ngắm cảnh, không biết hai con đi bộ đã mệt, đều đến ngồi cả bên cạnh ông; bàn tán huyên thiên.

Lúc đó mặt trời đã xế ngang ngọn núi Ba-vì đứng sừng sững ở phương tây về phía bên kia hồ như một bức bình phong khổng lồ màu lam nhạt trên nền trời hồng. Dung bỗng chỉ ngọn Ba-vì bảo anh :

- Này anh trông ! Mặt trời sắp lặn sau đám mây.
- Không phải mây, núi đấy.
- Núi à ? Sao nó giống mây thế, hờ anh ?
- Vì nó ở xa, xa lắm, xa mãi tí chân giòi.
- Thế nó là núi gì, hờ anh ?

Thảo im lặng nghĩ rồi lắc đầu trả lời :

- Anh không biết.
- Anh không biết thì tôi hỏi thầy vậy.

Rồi Dung kéo áo ông Tảo hỏi :

- Thầy ơi, anh Thảo anh ấy bảo đám mây kia là trái núi. Vậy nó là núi gì hở thầy ?

Ông Tảo xoa đầu con nói :

- Anh con nói phải đấy, con ạ, nó không phải là đám mây mà là một trái núi, trái núi Ba-vì...

Thảo ngắt lời ông, reo lên :

- À con biết rồi cơ. Con vẫn thấy chị Lộc chị ấy hát :

« Nhất cao là núi Ba-vì

Thứ ba Tam-đảo thứ nhì Độc-tôn ».

Gó phải là núi Ba-vì ấy không hở thầy ?

- Chính phải. Con tôi nhớ giai quá !

Thảo nghe cha khen thẹn đỏ bừng cả mặt.

Ông Tảo nói tiếp :

- Ngoài câu ca dao ấy, con có nghe thấy chị con hát câu khác về núi Ba-vì nữa không ?

Ngẫm nghĩ một giây, Thảo đáp :

- Thừa thầy, không ạ.

Ông Tảo mỉm cười bảo con :

- Hôm nọ, rõ ràng thầy có nghe thấy chị con hát :

« Nhât cao là núi Tản-viên

Nhất sâu là vũng Thủy-tiên cửa Vương ».

Mà lúc đó thầy thấy con lẩm nhẩm đọc lại kia mà.

Thảo vội vàng cãi :

- Vâng, câu ấy con cũng thuộc lòng. Nhưng đây là núi Tản-viên chứ có phải là núi Ba-vì đâu !

Ông Tảo cười và bảo con :

- Tản-viên với Ba-vì cũng là một.

Thảo ngạo nhiên :

- Là một ! Sao hai tên khác nhau mà lại là một, hờ thầy ?

- Là vì ngọn núi ấy có hai tên. Người ta thấy nó có ba đợt, ba tầng nên gọi là Ba-vì ; có người hay nho hơn, nhìn nó giống cái dù, cái tán tròn, nên đặt cho nó cái tên Tản-viên.

Dung hỏi :

- Thừa thầy, nó có cao không ạ ?

- Núi Ba-vì cao lắm, cao đến hơn một nghìn hai trăm thước tây. Núi ấy cao hơn hết cả các ngọn núi ở miền trung du và đứng trắn cả một vùng về hữu ngạn sông Hồng-hà ; con sông Bờ ở miền Sơn-la chảy xiết về gặp ngọn núi ấy chắn ngang nên

phải đâm sang phía Đông-bắc rồi đổ vào sông cái. Con học địa dư chắc con nhớ chứ ?

Thảo đáp :

- Vâng ạ. Sông Bờ đổ vào sông Cái ở dưới Hưng hóa vài cây số, cách sông Thao không xa.

- Phải rồi. Vì có ngọn Tản-viên nên sông Bờ mới đổ vào sông Cái ở gần Hưng-hóa. Mà cũng vì ngọn Tản-viên cao ngất và hùng cứ cả một phương nên người ta mới lấy núi ấy và sông Nhị-hà làm tiêu biểu cho cả đất nước ta ngày xưa.

Ông Tảo trầm ngâm một lát rồi nói tiếp :

- Và có lẽ cũng vì thế mới có chuyện Sơn-tinh.

Dung tính vốn thích chuyện cổ tích, nghe cha nói vội vàng hỏi :

- Chuyện Sơn-tinh thế nào hở thầy ? Thầy kể cho con nghe đi.

Thảo cũng nói :

- Con cũng chưa được nghe chuyện ấy thầy ạ.

Ông Tảo đáp :

- Chuyện dài lắm, bây giờ không đủ thì giờ. Thôi, để đến tối thầy sẽ kể cho các con nghe.

Tối hôm ấy, ăn cơm xong, ba cha con bắc ghế ra ngồi ngoài sân. Dung và Thảo nhắc cha kể chuyện luôn miệng. Ông Tảo châm điếu thuốc lá hút rồi bắt đầu nói :

- Chiều hôm nay hai con đã được trông thấy núi Ba-vì hay Tản-viên. Chuyện Sơn-tinh tức là chuyện thần của núi ấy mà người ta thường gọi là đức Thánh Tản.

Tục truyền rằng về đời Hùng-tuấn-Vương, thần ấy là một người nghèo khổ lấy nghề kiếm củi làm kế sinh nhai. Chàng tiểu phu ấy tên là Nguyễn Tuấn là một người từ thiện, yêu người như yêu mình, không bao giờ gặp người khốn khó mà không tìm cách giúp đỡ. Vì thế, nhà đã nghèo, mỗi ngày lại nghèo thêm. Láng giềng chàng đều nghèo khổ như chàng nên chàng kiếm được đồng nào là đem cuu mang hàng xóm tất cả. Chàng nghĩ không vợ con gì như chàng thì miễn là đủ sống, còn thì nên để mà cứu những người cần đến hơn.

Tuấn sống như vậy đã lâu. Ngày ngày, chàng giắt búa, đao vào rừng một mình, lây tiếng chim tiếng suối làm bạn. Một hôm, đi sâu vào rừng hơn những hôm khác, chàng gặp ở bên suối một cây lim rất lớn và thân thẳng tắp như cái cột đình. Chàng mừng lắm, tính nhắm trong bụng rằng một cây lim thẳng như thế, ngả xuống rất dễ bán, mà bán được giá cao. Với số tiền bán được, chàng sẽ có thể mua được vài ba thúng gạo và một ít vải. Chàng nghĩ đến mẹ con chị Mãng hiện đang phải ăn khoai trừ bữa và quần áo rách tươm vì chị ấy góa chồng và kiếm không đủ ăn. Chàng sẽ đem gạo và vải đến biếu chị và chàng mỉm cười một mình lúc chàng tưởng tượng ra mây đưa nhỏ con chị ấy được mặc áo mới đến khoe với chàng.

Sung sướng Tuấn huýt sáo miệng, hăng hái giở dao, búa ra. Chàng làm việc suốt cả ngày, chỉ dừng tay để ăn cơm trưa. Tuy vậy, mãi đến chiều chàng mới ngã được cây lim khổng lồ ấy và mặt trời sắp lặn rồi mà chàng vẫn chưa dẫn hết các cành nhỏ. Chàng bèn nhìn chung quanh để nhớ lấy nẻo vào, rồi chàng ra về, định bụng ngày mai sẽ đến làm nốt công việc.

Nhưng, ngày mai, một sự lạ đợi Tuấn. Rõ ràng đến chỗ cũ rồi, mà không thấy cây lim nằm ngang trên cỏ ; nó lại sừng sững đứng trên bờ suối, y nguyên như lúc chàng mới trông thấy sáng hôm trước. Chàng dụi mắt, nói lớn một mình :

- Quái ! Sao thế này ? Có lẽ ta mê chăng ?

Nhưng chàng không mê; cây lim vẫn cao vút lên như trọc trời, cành lá vẫn xanh tốt, rườm rà. Chàng lấy làm lạ quá, ngồi ngay gốc cây lim ngẫm nghĩ, nhưng mất đến nửa giờ mà chàng cũng không hiểu được vì lẽ gì cây lim chàng đã dẫn rồi còn có thể trở lại tươi tốt như xưa được.

- Chắc ! đã thế thì ta lại dẫn nữa.

Tuấn nghĩ vậy rồi làm liền chiều hôm ấy, cây lim lại bị hạ xuống, và Tuấn lại bỏ đấy về nghỉ. Nhưng sáng sớm hôm sau, lúc chàng trở lại thì đâu lại hoàn đấy, cây lim lại vẫn lành lặn như xưa, vẫn thẳng tắp và cành lá vẫn đung đưa theo gió như có ý mỉa mai anh chàng. Lần này Tuấn không tỏ ý ngạc nhiên gì hết ; chàng lặng lẽ ra sức dẫn cây một lần nữa. Nhưng trong bụng, chàng nhất quyết rằng lần này là lần cuối, và đêm hôm ấy chàng không về nghỉ nữa, chàng liền trở vào rừng tìm chỗ nấp để chờ việc kỳ dị xảy ra.

Đêm hôm ấy sáng trăng. Cảnh rừng rú ban đêm có vẻ lạnh lẽo và hoang vu lạ, nhưng Tuấn đã quen, đã dạn, không còn biết sợ là gì, yên tĩnh ngồi nấp sau một mô đất. Đến canh ba chàng thấy có cơn gió mát đột nhiên thổi đến, rồi, dưới bóng trăng, hiện ra một ông lão già, râu tóc bạc phơ, quần áo trắng muốt. Ông lão đứng nhìn cây lim bị chặt, lắc đầu khẽ thở dài, rồi cầm gậy trúc đập khẽ vào những vết búa, vết dao. Tức thì những vết ấy biến đi, cành gãy hóa liền ngay lại. Cho đến lúc ông lão đập vào vết thương lớn nhất, ở gốc cây thì cây lim tự đứng như có người nâng dậy, dần dà đứng thẳng lên, lá sẽ rung động như tỏ ý vui mừng.

Thấy sự lạ lùng như vậy, Tuấn ngẩn ra nhìn. Nhưng chàng nghĩ đến ba bốn buổi công phu, chàng không đành lòng, chạy xô đến trước mặt ông cụ già vái một cái dài. Ông cụ mỉm cười nhìn chàng tiểu phu rồi lên tiếng :

- Hiền khê có phải tên là Nguyễn-Tuấn đó chẳng ? Lão phu đời đã lâu lắm, có điều gì cứ nói cho lão phu nghe.

Thấy ông già có vẻ đạo mạo hiền từ, Tuấn bỗng sinh lòng kính cẩn, bèn đáp rằng :

- Thừa cụ, đã ba hôm nay, chúng tôi cố sức hạ cây lim này, vừa rồi được trông thấy cụ làm phép, mới hay là cụ muốn cho cây ấy sống lại. Như vậy cũng đủ tỏ cụ là một bậc dị nhân, nhưng chúng tôi thiết tưởng cụ cũng nên nghĩ đến cái công khó nhọc của chúng tôi mới phải.

Nghe lời trách nhẹ, ông cụ già gật đầu đáp :

- Lão đây là Thái-bạch tinh quân, thường hay đến dưới gốc

cây lim này ngồi nghỉ, lão không muốn cây ấy chết, cho nên lão mới cứu cho sống lại. Còn công của hiền khế, lão cũng biết. Lão còn biết hơn nữa, biết hiền khế là người hiền, cố sức đẵn cây cũng là để lấy tiền cứu giúp những người khác nghèo hơn. Tấm lòng vàng ấy lão rất quý trọng. Vì thế lão đã nghĩ đến hiền khế, thế nào lão cũng phải đền công cho hiền khế.

Ông lão ngắt lời, đưa chiếc gậy trúc ông cựa cầm nơi tay cho Tuấn rồi bảo rằng :

- Đây lão xin biếu hiền khế cây gậy này. Hiền khế đừng lấy làm thường. Cây gậy ấy là một cây gậy thần, có phép rất màu nhiệm : nếu có ai đau ốm, hiền khế chỉ cầm gậy đập khẽ vào chỗ đau là bệnh nhân khỏi ngay tức khắc. Yêu đời, yêu người như hiền khế, lão giao cho giữ không phải là uổng, là phí ; lão chắc hiền khế sẽ dùng nó để cứu giúp bà dân thiên hạ.

Nói đoạn, ông lão hóa ra một đạo bạch quang bay lên không. Tuấn cúi đầu vái tạ, rồi cầm gậy trúc ra về, trong lòng chan chứa một nỗi vui vô hạn.

Từ đấy, Tuấn bỏ nghề kiếm củi đi chu du thiên hạ để cứu dân độ thế. Đi đến đâu chàng chữa bệnh đến đấy. Những người sốt nhập lý, những người bị bệnh phong, bệnh lao, bệnh điên và những chứng khác, chưa ông thầy nào chữa được, được chàng đập khẽ gậy trúc vào người là khỏi ngay. Tiếng thơm của chàng lan ra khắp mọi nơi. Và trong cả nước không đâu là không có người chịu ơn chàng, không đâu là không có người ca ngợi chàng. Vì chàng không như các ông lang thường, chỉ biết lấy

tiền cho nhiều, chàng không tham tiền của, cứu người để lấy đức, lấy tấm lòng thành thoi sung sướng mà thôi.

Một hôm chàng đương ven theo bờ một con sông con đê đến chữa người ốm ở một làng kia, chàng bỗng gặp một lũ trẻ con chăn trâu đương xúm lại đánh một con rắn. Chàng dừng chân đứng lại xem; lũ trẻ con thấy chàng lễ phép chào rồi đứng răn ra. Chàng bước lại gần con rắn và ngạc nhiên khi nhìn thấy trên đầu rắn hình chữ vương mâu hồng in rõ rệt như vẽ. Nghĩ thầm rằng con rắn ấy có lẽ là một vị thủy thần biến ra, chàng bèn cầm gậy đập sế vào đầu. Tức thì rắn hồi ngay lại, vội vàng bò xuống sông trốn mất.

Vài hôm sau, Tuấn đã quên chuyện cứu rắn rồi thì bỗng có một chàng thiếu niên tuấn tú đem một quả đầy vàng bạc và nhiều đồ quý đến xin vào ra mắt. Trông thấy Tuấn, chàng thiếu niên vội vã vái dài và kính cẩn nói rằng :

- Thừa tiên sinh, chúng tôi là Tiểu-long hầu, con vua Long-vương bề Nam-Hải. Hôm nọ vì lên du ngoạn trên cạn tôi đại đột hóa ra làm một con rắn nước và bị bọn chăn trâu đánh, nếu không có tiên sinh ra tay cứu thì chúng tôi không sao sống được. Cái ơn tái tạo ấy, chúng tôi không bao giờ dám quên ; vậy xin đem ít quà mọn kính dâng tiên sinh để tỏ tấm lòng thành.

Tuấn an ủi vài câu và nhất định không nhận lễ, Tiểu-Long hầu nói sao cũng không chuyển được ý của ân nhân bèn tỏ ý mời xuống chơi Thủy-tinh cung một phen :

- Thế nào ân nhân cũng nhận cho.

- Lễ vật thì không dám nhận, nhưng điều ấy thì xin vâng. Tính tôi ưa những phong cảnh lạ, nay được xuống chơi đây biển thì còn gì hơn nữa.

Tiểu-Long hầu đưa cho Tuấn một chiếc sừng tê giác. Chàng cầm lấy đi với Long-hầu xuống biển Đông, đi đến đâu sừng tê giác rẽ sóng ra đến đấy. Một lúc lâu, Tuấn đến trước một cái lâu đài bằng pha lê xanh, trong suốt như nước biển ở ngoài khơi. Long-vương ở trong đó bước ra đón chàng vào một cách vui vẻ và thân mật, rồi ra lệnh đặt yến tiệc ba ngày ba đêm để tiếp chàng. Trong ba hôm ấy, tôm biển, cua biển, cá biển được nghỉ việc, chỉ có việc chèo chén vui chơi, say sưa hát múa làm cho sóng nổi lên cuộn cuộn, dân chài lưới trông thấy lại ngỡ là biển động.

Sau cuộc yến tiệc, Tuấn từ giả Long-vương ra về. Long-vương sai đem nào hàng thúng tiền bạc, nào ngọc san hô, mã não, nào ngọc trai, nào đồi mồi ra đưa tiễn. Nhưng Tuấn nhất định từ chối. Vua Long-vương không biết làm thế nào, trong bụng áy náy không yên, sau ép mãi, Tuấn mới nể lòng nhận lấy một quyển sách cũ bìa đã nát của vua Long-vương bỏ quên một xó tủ.

Về đến nhà Tuấn giở sách ra xem mới hay là mình đã vô tình lấy được một thứ quý hơn cả vàng bạc châu báu. Quyển sách nhàu nát chàng vì nể mà nhận là một quyển sách ước. Chàng càng đọc càng mê và càng thấy tâm trí sáng suốt hơn lên mãi ; đến lúc đọc xong chàng bỗng cảm thấy chàng thông hiểu cả mọi lẽ trong trời đất và bỗng có cái khiêu kỳ dị cầu cái gì được cái nấy. Chàng chỉ có việc nói là muốn có một cái nhà, tức thì một lâu đài nguy nga hiện ngay ra trước mắt, chàng chỉ có việc ước

xác chết sống lại, là tự nhiên người chết mở mắt ngồi lên nói chuyện được ; chàng có thể chỉ đất hóa vàng, chỉ núi hóa sông. Không bao lâu, chàng đã thành ra một vị địa tiên, một vị thần sống, thay được quyền tạo hóa mà làm việc thiện. Những năm hạn hán, dân những vùng gần đấy đến cầu cứu chàng, chàng chỉ tay lên trời là mây đen kéo đến rồi trút xuống một trận mưa liên. Hoặc những lúc có nạn dịch ở vùng nào, chàng biết đèn không bao giờ bỏ qua không đến cứu dân. Dân quê mọi nơi nhờ chàng được yên ổn làm ăn, nên coi chàng như một vị thánh sống có đức rất lớn.

Lúc đã thành thần và đã làm được nhiều việc thiện rồi, Tuấn mới nghĩ đến việc tìm một nơi phong cảnh kỳ tú, cao ráo mát mẻ để làm nhà ở. Thần bèn đến cửa bể Thần-phù rồi đi dò dọc ngược lên sông Hồng-hà. Đến Thăng-long, tức là thành phố Hà-nội ta bây giờ, thần dừng chân nghỉ và ngắm cánh nhân thế. Nhận thấy phong tục ở nơi phồn hoa ấy rất phù

phức và dân tình đậm bạc, thần chán bỏ, xuống thuyền kéo neo đi nơi khác.

Lên đến huyện Phúc-lộc thì trời vừa hừng sáng. Thần trèo lên mạn thuyền nhìn chung quanh, thấy đồng ruộng mênh mông, trong lòng thần đã có ý vui. Bỗng thần nhìn thấy ở phía tay trái ngọn núi Tản-viên lẫn trong sương mù, lung linh như thực như hư. Thần buột miệng kêu lên :

- Ngọn cô phong kia thật là kỳ tú !

Thần bèn ra lệnh đổ thuyền rồi lên bộ đi thẳng tới chân núi. Càng lên càng gần, nỗi vui trong lòng thần càng nở dần ra. Qua những trái đồi cỏ non, những thung lũng lúa xanh rờn, những khu rừng cao rậm, thần có cái cảm tưởng rằng chốn xa lạ này đối với thần thân mật đầm ấm như nơi quê hương xứ sở. Thần vui chân bám cỏ mà leo lên núi ; càng lên không khí càng trong sạch hơn, mát mẻ hơn. Thần vượt cả ba tầng núi, trèo lên tận ngọn đứng trông ra tứ phía.

Dưới chân thần, rừng cây chạy xuống thung lũng, leo lên đồi, rồi lẫn ra đến tận con sông Bờ, lấp loáng ở xa xa. Thần nhìn chung quanh, thấy những cây lim cây sên cao vút, những bãi cỏ non xanh mượt, vài ngọn suối róc rách trong khe, trong lòng êm ả như rửa sạch hết bụi trần.

Thấy cảnh đẹp, thần quyết ý ở lại : thần nào phải là kẻ ngu mà bo bo giữ lấy làng, lấy xóm; cả giang sơn đất Việt, chỗ nào cũng là đất nước nhà, và chỗ nào đẹp nhất là nơi cố hương của thần rồi. Thần bèn hóa phép sai thần đình lục giáp mở một con đường dài đi từ bến đò Phan-tân, qua hai cánh đồng Vệ-Đồng và Nam-Toàn đến chỗ thần trú chân ; nơi đó thần chỉ đất hóa ra một tòa lâu đài, rồi qua cánh đồng Thạch-bạn và cánh đồng Vân-Mộng, qua tầng nọ đến tầng kia, con đường leo núi lên tận đỉnh, đến tận thảo lư của thần.

Rồi từ đây, thần cô công sửa sang nơi ăn chốn ở cho tinh khiết ; đồ đạc thần làm giản dị và hợp với cảnh sống đơn giản gần cảnh vật của thần ; nơi là phòng trà êm ấm nơi là phòng sách sạch sẽ, nơi là đình tĩnh tâm, nơi là đình thưởng nguyệt ngắm hoa. Thỉnh thoảng thần lại đứng đỉnh xuống núi đến bên bờ sông Tiểu-Hoàng xem cá rồn hoặc đi du ngoạn ở phương

xa ; chỗ nào có phong cảnh đẹp là có vết chân của thần để lại, và chỗ nào thần đến, thần cũng hóa phép làm ra những lâu đài nhỏ để thần nghỉ ngơi ; đoạn, lúc thần bỏ đi, thần hóa phép cho các lâu đài ấy biến đi. Tuy đi đến đâu thần chỉ có mục đích là ngắm cảnh, mà không khi nào thần quên không nghĩ đến dân ở vùng đó. Đi đến đâu, thần cũng tìm cách cứu giúp những người lương thiện và khốn khó, chữa bệnh tật, có khi làm nhà cửa, đào giếng cho dân cả một làng nghèo khó. Cho nên, lúc thần đi, chỗ thần hóa ra nhà ở, dân làng không quên lập đền để ghi công đức của thần.

Một hôm, thần đương ngồi ven bờ sông Tiểu-Hoàng ngắm cá, tình cờ có câu chuyện lọt vào tai thần. Hai người lái buôn vừa đi vừa nói bô bô :

- Mai có hội hoa đăng ở kinh đô, thế nào tôi cũng phải đi.

- Có vui không, bác ?

- Còn phải nói ! Vui nhất từ xưa đến nay, vì có Đức Vua đến chứng kiến. Đức Vua, Hoàng-hậu và cả Công chúa My-Nương nữa.

- Thật à ? Tôi nghe đồn công chúa đẹp như tiên và rất hiếu hạnh, mà tôi chưa được gặp mặt.

- Tôi thì đã được nhìn thấy một lần. Úi chà ! Tây thi cũng không đẹp bằng. Người đâu mà tha thướt như lá liễu, mặt như phù dung mới nở. Cái miệng cười có duyên quá, đôi mắt bồ câu trong suốt, còn cặp lông mày lá liễu giá có mua được thì bán

cả gia tài tôi đi tôi cũng bằng lòng chứ chẳng phải chỉ một trăm quan tiền mà thôi.

Rồi hai người cùng cười với nhau. Từ lúc đó, thần ngấm cá không thấy yên tâm như trước, hình ảnh một khuôn mặt trái soan với đôi mắt bồ câu hiện ra trước mắt thần rồi lại biến đi.

Sáng mờ mờ hôm sau, trên con đường đi từ Tản-viên về kinh đô, người ta đã thấy thần vội vàng đi, nét mặt mơ mòng như theo đuổi một hình ảnh gì, không để ý đến ai hết. Vài buổi tối hôm ấy, trong lúc muôn chiếc đèn hoa treo khắp ngọn cây, vua Hùng Vương ăn vận đại triều cùng với hoàng-hậu và công chúa ngự ra ngoài hoàng thành đi xem đèn. Đi đến đâu nhân dân dân ra rồi phủ phục xuống hai bên đường, miệng hoan hô « Vạn Tuế ». Thần Tản-Viên ở trong đám đông cũng tung hô vạn tuế, nhưng thần có ý nhìn lên kiệu công chúa. Kiệu vừa đi qua trước mặt thần, bỗng một cơn gió nhẹ do thần hóa phép ra bay đến lật chiếc rèm thưa. Thần ngậy ngất nhìn công chúa, trong lòng nao nao một mối tình yêu đắm thắm.

Và ngay hôm sau, thần mượn người đem lễ vật đến giạm công chúa làm vợ. Danh tiếng của thần đã vang khắp mọi nơi, nên triều đình được tin ấy đều mừng cho công chúa được lấy một người chồng hiền và lỗi lạc. Nhưng cũng ngày hôm ấy có sứ giả Thủy cung đến hỏi My-nương cho Long-vương. Tin ấy đồn ra, ai cũng cho là một sự lạ lùng : cùng một ngày mà Công-chúa được hai người có tiếng hỏi làm vợ.

Vua Hùng-Vương lấy làm băn khoăn, không biết quyết định ra sao, bèn cho vời công chúa đến. My-Nương lúc ấy đương tựa cửa sổ nghĩ đến người gặp gỡ trong hội hoa đăng và phiền muộn vì không biết rõ là người ở đâu, có duyên nợ gì không, thì

được tin vua cha vờ về việc thần Tản-viên và vua Long-vương cùng hỏi nàng. My-nương buồn bã đứng dậy thì bỗng có con chim xanh ở ngoài bay vào đậu ngay bên cạnh nàng. Và, việc lạ lùng thay, con chim cất tiếng sẽ nói với nàng :

- Công chúa đừng sợ, tôi là sứ giả của Sơn-tinh ở núi Tản-viên. Hôm qua, trong hội hoa đăng, chính Sơn-tinh đã sai gió vén rèm để xem mặt công chúa và từ đây không sao quên công chúa được. Nếu công chúa có thương, thì lát nữa đức Vua có hỏi đến việc hôn nhân, công chúa cứ nói cho như thế này.

Chim xanh hạ thấp giọng ghé tai My-nương thì thầm mấy câu rồi nói tiếp :

- Công chúa cứ nói thế cho, còn thì Sơn-tinh sẽ xin gánh vác mọi việc.

My-nương nghe chim nói sung sướng quá, ôm chim vào lòng mà hôn rồi thả cho chim bay. Đoạn, nàng sửa sang xiêm áo sang diện Vua cha. Vua Hùng-vương âu yếm bảo con :

- Con đã đến tuổi cập kê rồi mà bây giờ có Sơn-tinh và Thủy-tinh cùng đến hỏi một lúc, khiến cha khó nghĩ quá. Vậy con nghĩ thế nào ?

My-nương khép nép thưa rằng :

- Đức Vua cha đặt đâu con xin ngồi đấy.

Vua Hùng-vương phán :

- Con nói thế rất phải đạo làm con. Nhưng hai người đều tài hoa lỗi lạc cả, cha biết nghĩ làm sao ?

My-nương tâu :

- Thừa Vua cha, con xin bày tỏ thiện kiến. Muốn khỏi mất lòng ai, xin vua cha cứ ra lệnh hễ ai đem hôn lễ đủ và sớm hơn thì nhận.

Vua Hùng-vương mừng mà khen rằng :

- Công-chúa nghĩ rất phải.

Tức khắc, vua cho triệu sứ giả Sơn-tinh và sứ giả Thủy-tinh đến mà phán rằng :

- Một mỹ nhân không thể đem gả cho hai người được, dù hai người lỗi lạc anh hùng như thần Tản-viên và Long-vương. Vậy trăm nghĩ chỉ có một cách : sáng sớm mai Sơn-tinh và Thủy-tinh đều dẫn hôn lễ đến cho trăm. Hễ ai đem đủ hôn lễ mà đến trước, thì trăm sẽ gả công chúa cho.

Quần thần nghe Đức Vua phán ai cũng chịu phục là phải, và từ đấy, đức Vua nổi tiếng là một vị minh chủ anh quân.

Sáng sớm hôm sau, mặt trời mới mọc, người ta đã thấy ở trước cửa Hoàng Thành thần Tản-viên cưỡi ngựa trắng đem lễ vật đến xin vào yết kiến đức Vua. Vua Hùng-vương sai người mở rộng cửa thành rồi mời thần vào làm lễ tương kiến. Vua thấy thần anh tuấn trượng phu, rất lấy làm vui lòng. Thần sai đem dâng hôn lễ lên : nào bạc nén từng hòm, nào chân châu bảo thạch, nào vàng cốm đựng đầy hai lọ sứ cổ, nào voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín bờm và nhiều sản vật kỳ lạ như thế nữa. Vua trông thấy lòng vui đến cực điểm, vỗ vai Sơn-tinh, tức khắc phong làm phò mã, và mở yến tiệc ăn mừng. Đoạn, Sơn-tinh xin cử hành hôn lễ với My Nương về núi Tản-Viên.

Vài giờ sau, Long - Vương cười long - mã dẫn hôn lễ rộn rịp chật cả đường cái. Những cửa châu báu dẫn cưới đã không được kỳ lạ như của Sơn Tinh mà lại còn đến chậm, nên lúc Long Vương được vua Hùng Vương mời vào lựa lời từ chối, Long Vương chỉ còn việc ân hận rằng mình đã đến chậm.

Nhưng khi từ giả vua Hùng Vương ra về, và khi nghe thấy nhân dân chỉ trở bàn tán với nhau về việc thất vọng của mình, Long Vương lấy làm tức bực vô cùng. Câu « trâu chậm uống nước đục » lọt vào tai nhà vua, khiến nhà vua lại càng thêm npi giận, bèn quát mắng âm âm, nhất định cướp lại My Nương mới nghe :

- Anh tiều phu ấy có tài cán gì mà dám tranh nhau với quá nhân ! Ta phải đem thủy quân đến đuổi nó bắt lấy My-Nương và đánh cho đứa tiều phu sơ sác ra thì mới hả được giận.

Nói đoạn tức tốc trở về thủy cung, đánh chiêng họp chư tướng chư quân lại, rồi dâng nước lên đuổi theo thần Tản-Viên. Các loài thủy quái, nào thuồng-luồng dài năm trượng, nào cá mập, cá kình nặng hàng tấn và răng sắc như mác, nào giải, nào hải-cẩu đều kéo nhau lũ lượt sau Long-Vương vượt sông Hồng-hà theo con nước đưa lên miền trung du. Trong lúc ấy, Long Vương hóa phép làm mưa làm gió, sấm chớp âm âm, bão táp tứ tung, tưởng chừng như thiên địa trở lại nạn hồng thủy ngày xưa vậy.

- Nhưng thần Tản-Viên đoán biết trước dã tâm của Thủy-Tinh. Thần hóa phép lấy lưới sắt trắng hết các mạn sông ở huyện Từ-Liêm để chặn đường quân địch. Long Vương thấy vậy nổi

giận và soay kế, lén cất quân vào con đường khác, ùa vào sông Lý-Nhân, kéo ền tận chân các đồi Quáng-oai. Rồi thừa thế thủy quái tràn lên, đổ vào sông Hát, vượt qua sông Lư, đổ vào sông Bờ đề tản ngang đánh vào hữu dực núi Tản. Long Vương lại làm phép dâng nước ở các lạch, các khe, các ngòi để thêm viện binh đánh lên núi Ba-Vì. Phá phách mấy làng Cẩm-Giá, Đông-lâm, Cổ-nhạc, Mỹ-xá, Long-vương nổi sóng cuộn cuộn để đảo thành những vực sâu làm nơi trú ẩn cho các loài thủy quái, đoạn, Vương tự cầm quân ra đối địch với Sơn Tinh.

Thần Tản-Viên ở trên cao nom xuống, trông rõ sự động tĩnh của địch quân, mỉm cười sai đặt tiệc ở tầng thứ nhất, mời My-Nương ra uống rượu đào xem phá giặc. Rồi thân truyền lệnh cho nhân dân ở những vùng lân cận đan phen để ngăn nước, và phát cho họ cung tên để bắn loài thủy quái. Cùng một lúc, thần sai hổ, báo, gấu cùng các mãnh thú khác nhổ cây lẩn đá ném xuống sông để giết hại quân lính của Long-Vương. Sau cùng Long-Vương thân ra trước trận thách Sơn-Tinh ra đấu tài. Thật là một trận kịch chiến, sát khí đến tận trời ; mỗi lần hai thần giáp chiến, là một lần sấm chớp vang lên khắp mọi nơi, mưa gió túi bụi, rồi trời tự nhiên tối sầm lại như đêm ba mươi.

Đền lúc trời sáng lên dần, thì trận đã tàn, trên mặt nước nào xác cá, tôm, xác rùa, ba-ba, thường-luồng nổi lên lều bều, và ngọn nước đã rút hẳn dưới chân núi. Long-Vương thương tích đầy người, cháy cả râu, rách cả mũ, dẫn tàn binh rút lui thật mau về Nam hải, quân ngũ lộn xộn đến nỗi không có ai đi hậu tập nữa, tranh nhau mà trốn về cho nhanh. Thần Tản Viên trông theo cười ngất, không thèm đuổi theo, ung dung đi bộ lên núi. My-Nương đã đợi sẵn, rót một cốc rượu đưa mừng thần. Thần

uông một hơi cạn rồi hai vợ chồng giắt tay nhau vào trong động xem hoa nở.

Từ ngày ấy, mỗi hận của Long-Vương không nguôi, và mỗi năm một lần, Vương không quên khởi binh dâng nước lên đánh phá núi Tản-Viên, và sau khi đã bị đánh cho tàn manh giáp, Vương bực tức lại lui quân để mưu tính cuộc phục thù năm sau. Đó là cách Vương trả ơn thần Tản-Viên đã cứu sống được con Vương, còn thần Tản-Viên thì vẫn được an nhàn, sống trong cảnh thần tiên, ngày ngày cru mang giúp đỡ cho nhân dân các vùng chung quanh, khiến cho mọi người đều mến công đức và lập đền thờ.

Ông Tảo kể chuyện vừa xong, Dung hấp tấp hỏi :

- Bây giờ Sơn-tinh, Thủy-tinh còn đánh nhau không hở thầy?

Ông Tảo mỉm cười đáp :

- Họ còn đánh nhau đấy con ạ. Năm nào đến tháng sáu, tháng bảy là mưa to gió lớn, rồi nước trên ngàn đổ về, tràn đầy cả sông ngòi, có khi đánh vỡ cả đê làm ngập lụt mùa màng. Người ta bảo hai thần quen thói đánh nhau.

Thảo nói :

- Thật thế à hở thầy ?

- Không, không phải, con ạ. Nước lụt là do nước lũ ở trên rùng núi miền thượng du rồn về, chứ không phải là nước của Long-Vương dâng lên. Và mưa sa bão táp, chắc con cũng đã biết không có vị thần nào phù phép ra được. Chẳng qua người ta thấy mỗi năm một lần lụt mà nước sông Bờ lên to hay xoáy vào chân núi Ba-vì thì người ta đặt ra chuyện Sơn-tinh, Thủy-tinh đánh nhau cho có vẻ huyền bí mà thôi.

Thảo hỏi :

- Thế Sơn-Tinh, Thủy-Tinh thực ra có phải không, thầy ?

- Thực ra Sơn-Tinh và Thủy-Tinh chắc có, nhưng không phải là thần quái, mà là người cả. Sơn tinh có lẽ là một người lười lạc, hùng cứ một phương, một miền núi non hiểm trở, ưa làm việc thiện, được dân mến yêu, còn Thủy-tinh hẳn cũng là một vị tù trưởng ở một miền duyên hải nào. Có lẽ hai vị ấy đã đến hỏi con gái vua Hùng-vương và đã vì sự tranh dành đó đã đem quân đánh nhau.

Ông Tảo ngắt lời nghĩ một giây rồi nói tiếp :

- Thầy chắc là thế vì có đã sử chép rằng chính con cháu Thủy-tinh, vua Thục-vương-Phán, về sau đã đem quân đánh vua Hùng-Vương và cướp lấy nước Văn-Lang. Sử còn chép thêm rằng trước kia hai nước vẫn bất hòa mà nguyên nhân sự bất hòa là việc vua Hùng-Vương không gả công-chúa My-Nương cho Thủy-Tinh lại đem gả cho Sơn-Tinh.

GIÁ NHẤT ĐỊNH 0\$10

SÁCH HỒNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

- Số 4 : Hai thứ khôn của *Thế Lữ*
— 5 : Quyển sách ước của *Khái Hưng*
— 6 : Hai chị em của *Thiện Sĩ*
— 7 : Lên cung trăng của *Hoàng Đạo*
— 8 : Cóc tía của *Khái Hưng*
— 9 : Cái ấm đất của *Khái Hưng*
— 10 : Lan và Huệ của *Hoàng Đạo*
— 11 : Rô-bin-Sơn (cuốn I) của *Thế Lữ*
— 12 : Hạt ngọc của *Thạch Lam*
— 13 : Rô-bin-Sơn (cuốn II) của *Thế Lữ*
— 14 : Lên chùa của *Thiện Sĩ*
— 15 : Con chim gì sừng của *Hoàng Đạo*
— 16 : Thế giới tí hon của *Khái Hưng*
— 17 : Rô-bin-sơn (cuốn III) của *Thế Lữ*
— 18 : Sơn tinh của *Hoàng Đạo*

ĐƯƠNG IN :

Cây tre trăm đốt của *Khái Hưng*

NHÀ XUẤT BẢN « ĐỜI NAY »

Imp. Ngày-Nay, Hanoi